

Hiện nay, căn cứ vào chế độ quản lý, hệ thống trả lương và các đơn vị sử dụng nguồn nhân lực, ngành hàng không dân dụng Việt Nam (HKDDVN) được chia thành ba nhóm: hạch toán độc lập, hạch toán phụ thuộc và hành chính sự nghiệp được thể hiện như sau:

- Các đơn vị trong nước.
- Các đơn vị liên doanh cổ phần (có vốn nước ngoài).
- Các đơn vị trong nước là các tổ chức thuộc ngành HKDDVN quản lý theo các quy trình của hệ thống quản lý nhân sự - lao động - tiền lương Việt Nam giống như các đơn vị kinh tế sự nghiệp quốc doanh khác.

Do đặc điểm của ngành HKDDVN, những lao động công tác trong các liên doanh cổ phần với nước ngoài là những người đang làm việc ở các đơn vị thuộc ngành HKDDVN được ngành HKDDVN tuyển chọn, đào tạo giới thiệu sang làm việc trong liên doanh cổ phần ngắn hạn hoặc trung hạn, họ chịu sự quản lý trả lương theo qui định của liên doanh cổ phần và khi hết thời hạn làm việc ở liên doanh, họ trở lại làm việc ở các đơn vị trong nước theo sự phân công của ngành HKDDVN.

Hiện nay số lao động Việt Nam làm việc trong các liên doanh cổ phần nước ngoài chiếm khoảng 10% tổng số lao động của ngành HKDDVN.

1. Số lượng

Cùng với sự phát triển, tăng trưởng và gia tăng đầu tư trong hoạt động HKDDVN trong những năm qua, số lao động của ngành HKDDVN không ngừng tăng lên. Nếu như lúc mới thành lập năm 1956, có 30 cán bộ sĩ quan, hạ sĩ quan quân đội thì đến năm 1976 (Tổng cục HKDDVN thành lập) có tất cả 6.596 người (trong đó $\frac{3}{4}$ là cán bộ quân đội, 4.429 người; còn lại là lao động tuyển dụng mới, 2.167 người).

Giai đoạn từ năm 1990, ngành HKDDVN phát triển lớn mạnh và tham gia hội nhập quốc tế, ngành được Nhà nước xác định là ngành kinh tế kỹ thuật mũi nhọn. Do đó, các lĩnh vực: Khai thác cảng, quản lý điều hành bay, vận tải hàng không được

Vài nét về phát triển nguồn nhân lực ngành hàng không dân dụng Việt Nam

Thạc sĩ NGUYỄN THANH BÌNH

quan tâm phát triển. Tính đến thời điểm tháng 7.1998, tổng số cán bộ công nhân viên của ngành HKDDVN là 15.977 người và dự báo đến năm 2010 sẽ tăng lên 19.850 người.

Hệ thống các đường bay được mở rộng tốc độ tăng trưởng vận tải hàng không từ năm 1991 tới nay tăng 35 - 40% kể cả vận tải hàng hóa và hành khách.

2. Cơ cấu tuổi

Trong giai đoạn 1956 - 1976, mặc dù hoạt động HKDDVN đã triển khai nhưng do tình hình kinh tế còn khó khăn nên chưa thể mở rộng các đường bay, do đó nguồn nhân lực của ngành tăng không đáng kể, chủ yếu là bổ sung thay thế lao động các công đoạn công việc trong ngành.

Từ năm 1990, việc khai thác các cảng hàng không, quản lý điều hành bay, vận tải hàng không phát triển, đóng góp đáng kể cho nguồn thu ngân sách quốc gia. Hoạt động trong ngành trở nên nhộn nhịp thu hút nhiều hàng đầu tư nước ngoài. Số việc làm tăng lên, thu nhập tương đối ổn định, do đó nguồn nhân lực của ngành HKDDVN tăng lên đáng kể. Tỷ trọng của nguồn nhân lực ngành HKDDVN phân theo độ tuổi như sau:

Độ tuổi	Số người	Tỷ trọng (%)
18 - 30	6.462	40,44
31 - 40	5.586	35,00
41 - 50	3.354	21,00
51 - 60	559	3,05

Trong những năm qua, đặc biệt từ năm 1990 trở lại đây, mức thu nhập thực tế của người lao động được nâng lên theo kết quả kinh doanh và các nguồn thu khác của ngành HKDDVN. Mức thu nhập của cán bộ,

công nhân viên ngành tuy cao hơn so với mặt bằng chung của xã hội nhưng chỉ chiếm phần nhỏ trong cơ cấu chi phí (tính cả trực tiếp và gián tiếp là dưới 5% giá thành), đồng thời mức tăng về lương thấp hơn mức tăng về năng suất lao động của ngành (trong giai đoạn 1990 - 2000, năng suất lao động bình quân khoảng 50%/năm trong khi mức tiền lương chỉ tăng bình quân khoảng 11%/năm). Bên cạnh đó ngành rất quan tâm đến việc thực hiện các chế độ chính sách đối với người lao động, nhờ đó mức sống của người lao động trong ngành được cải thiện đáng kể, giúp cho người lao động phấn khởi và yên tâm công tác.

3. Chất lượng lao động

Chất lượng nguồn nhân lực thể hiện qua các chỉ tiêu vốn đầu tư trên mỗi người lao động, năng suất lao động và tiền lương của ngành HKDDVN so với các ngành khác:

a. Vốn đầu tư cho người lao động trong ngành yêu cầu phải cao gấp nhiều lần so với những ngành công nghiệp khác, vì HKDDVN đang đứng trước sự cạnh tranh với các hãng hàng không trong khu vực và quốc tế. Do đó, ngành HKDDVN đầu tư vào thiết bị hiện đại và công nghệ tiên tiến.

b. Về năng suất lao động: thiết bị hiện đại công nghệ tiên tiến và nguồn nhân lực ở trình độ cao kéo theo năng suất lao động cao.

c. Tiền lương bình quân phản ánh chất lượng việc làm, chất lượng việc làm đòi hỏi năng lực của người lao động cao mới đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ. Tiền lương của CBCNV ngành HKDDVN đạt ở mức cao và tăng đều đặn so với các ngành khác ■